

Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	977.78	103.09	56.40
% ngày	-1.02%	-1.58%	-0.30%
% tuần	-2.41%	-1.41%	-0.25%
% tháng	0.44%	0.70%	-0.05%
% năm	7.08%	0.81%	8.66%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	5,188	254	150
TB 1 tuần	4,600	266	203
TB 1 tháng	4,293	374	238
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	1,352.89	2.78	15.86
Bán	1,364.04	10.45	18.14
Giá trị ròng	-11.14	-7.68	-2.28
Độ rộng TT			
Mã Tăng	84	56	116
Mã Giảm	209	85	112
Không Đổi	95	228	675
Chỉ số chính			
P/E	16.36	9.21	17.62
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,419	190	973
LS Cổ tức	1.52%	4.77%	5.24%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc đỏ trên diện rộng khiến các chỉ số thị trường tiếp tục suy yếu. VN-Index có phiên giảm thứ 3 liên tiếp với mức giảm 1.02%, đóng cửa tại 977.78 điểm. Trong khi đó, chỉ số HNX-Index cũng nổi gót giảm 1.58% dừng tại 103.09 điểm. Giá trị giao dịch khớp lệnh toàn thị trường đạt mức hơn 4,600 tỷ cho thấy lực bán vẫn đang áp đảo. Hệ số mã tăng/mã giảm tiêu cực khi số mã giảm gấp đôi số mã tăng.

Áp lực bán tiếp tục duy trì ở nhóm bluechip nhưng mức độ giảm đã suy yếu khi VN30-Index giảm 0.66% nhẹ hơn phiên liền trước. VHM có phiên biến động mạnh khi giảm sát về ngưỡng 90,000 tương ứng giảm 5% nhưng đóng cửa thu hẹp đà giảm khi đóng cửa tại 93,500. VRE tương tự khi lúc giảm hơn 4% trong phiên. Ngoài ra, nhiều mã vốn hóa lớn như SAB(-2.5%), VCB(-2.3%), BID(-2.4%), MSN(-1.4%), GAS(-1%) cũng bị bán ra mạnh. VIC(+0.8%), BVH(+0.6%), VPB(+1%) là các trụ đi ngược thị trường trong phiên.

Tâm lý thận trọng cũng đẩy mạnh áp lực bán ở nhiều cổ phiếu như DXG(-4.5%), HSG(-7%), D2D(-7%), LDG(-6.9%) hay nhóm đầu cơ tăng mạnh vừa qua như HAI(-7%), HCD(-7%), HVG(-4%)...

Khối ngoại bán ròng 21 tỷ tính chung cả ba sàn trong phiên cuối tuần. VCB(46.2 tỷ), VHM(20.2 tỷ) là các mã bị bán ròng mạnh nhất. Ở chiều ngược lại, CTG(22.6 tỷ), VRE(20.5 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi phục kỹ thuật trong các phiên giao dịch đầu tuần, đặc biệt chỉ số VN-Index có khả năng sẽ kiểm định lại đường trung bình 50 ngày (tức là mức 998 điểm). Tuy nhiên, rủi ro ngắn hạn vẫn còn cao và các nhịp hồi phục chỉ mang tính chất kỹ thuật sau chuỗi giảm giá mạnh. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 1,009.42 điểm của chỉ số VN-Index và 105.76 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các nhịp hồi phục để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và tiếp tục quan sát thị trường ở các nhịp hồi kỹ thuật tới.

Xu hướng trung hạn của chỉ số VN-Index và chỉ số VN30 đã bị hạ từ mức TĂNG xuống GIẢM. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu giảm mạnh, Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư trung hạn có thể xem xét cơ cấu danh mục để đưa tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 29% cổ phiếu/71% tiền.

Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.35	GIẢM	GIẢM		15.43				16.59		
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-3.33%	
ACV	75.50	GIẢM	GIẢM		78.35				82.57		
ANV	24.90	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.67	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-0.45%			7.26		
BFC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.02				16.18		
BID	40.20	GIẢM	TĂNG	40.80	40.99	0.46%	BÁN	33.40	38.49	20.36%	
BMP	52.10	GIẢM	TĂNG	54.00	52.26	-3.23%	BÁN	48.30	48.32	7.87%	
BSR	9.70	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	-3.00%			10.51		
BVH	70.90	GIẢM	GIẢM		73.35				75.79		
BWE	23.70	GIẢM	GIẢM		24.59				26.99		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.60				10.19		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-1.84%	
CMG	38.00	TĂNG	TĂNG	38.90	37.82	-2.31%		23.20	34.96	63.79%	
CMX	14.40	GIẢM	GIẢM		16.55				22.56		
CSM	14.55	GIẢM	TĂNG		14.93			14.39	14.22	1.11%	
CTD	65.60	GIẢM	GIẢM		72.22				82.73		
CTG	21.10	GIẢM	TĂNG		22.03			22.00	20.78	-4.09%	
CTR	48.80	TĂNG	N/A	46.50	47.38	4.95%		-	N/A		
CVT	21.90	GIẢM	TĂNG		23.23			20.35	21.01	7.62%	
DCM	6.91	GIẢM	GIẢM		7.14				7.68		
DGC	26.70	TĂNG	GIẢM	27.20	26.20	-1.84%			28.91		
DGW	24.50	GIẢM	TĂNG		26.70			23.50	24.07	4.26%	
DHA	30.10	TĂNG	GIẢM	31.85	28.64	-5.49%			32.52		
DHC	39.30	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.09%		37.70	34.64	4.24%	
DHG	94.00	GIẢM	GIẢM		96.24				99.56		
DIG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.99			13.90	13.14	-5.45%	BÁN
DPG	47.00	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	0.86%			50.61		
DPM	13.15	GIẢM	GIẢM		14.13			14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DPR	40.00	TĂNG	GIẢM	37.60	38.75	6.38%			40.40		
DQC	16.70	GIẢM	GIẢM		17.21				18.95		
DRC	22.70	GIẢM	TĂNG		23.49			21.60	21.72	5.09%	
DXG	14.90	GIẢM	TĂNG	16.30	15.43	-5.35%	BÁN	15.50	14.86	-3.87%	
EIB	17.00	GIẢM	TĂNG		18.57			18.40	16.46	-7.61%	
FCN	10.30	GIẢM	GIẢM		11.42				12.69		



We Create Fortune

FMC	27.00	GIẢM	TĂNG		27.65			31.60	26.18	-14.56%	
FPT	56.00	GIẢM	TĂNG		58.99			46.00	54.99	21.74%	
GAS	103.10	GIẢM	GIẢM		108.37				109.55		
GEX	20.60	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-4.19%			22.60		
GIL	19.20	GIẢM	GIẢM		20.12				22.73		
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		25.36			26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	19.70	GIẢM	TĂNG		21.87			15.00	18.98	31.33%	
GVR	14.00	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-3.45%			N/A		
HAG	4.00	GIẢM	GIẢM		4.18				4.59		
HAX	17.20	GIẢM	GIẢM		18.78				21.69		
HBC	10.85	GIẢM	GIẢM		12.00				13.78		
HCM	24.00	GIẢM	TĂNG		25.87			23.40	22.58	2.56%	
HDB	27.80	GIẢM	TĂNG		29.66			28.00	27.29	-0.71%	
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG	23.30	22.47	-3.56%	BÁN	15.25	20.25	44.26%	
HDG	34.25	GIẢM	TĂNG		35.54			35.30	32.61	-2.97%	
HNG	14.70	GIẢM	GIẢM		15.23				16.29		
HPG	22.10	GIẢM	GIẢM		22.97				23.82		
HSG	7.61	GIẢM	TĂNG	7.19	7.69	7.02%	BÁN	7.75	6.67	-1.81%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		15.37			16.90	13.91	-14.20%	
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%			2.71		
HVN	33.80	GIẢM	GIẢM		35.97				36.93		
KBC	15.25	TĂNG	TĂNG	14.90	14.71	2.35%		15.35	13.91	-0.65%	
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	9.38%	
KSB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.02				20.51		
LCG	8.77	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	2.57%			9.32		
LDG	9.27	GIẢM	GIẢM		10.52				11.59		
LHG	15.95	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	2.24%			16.89		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%			8.13		
MBB	22.35	GIẢM	TĂNG		23.04			21.85	21.83	2.29%	
MPC	20.10	GIẢM	GIẢM		22.34				26.81		
MSN	70.50	GIẢM	GIẢM		74.93				81.14		
MSR	14.80	GIẢM	GIẢM	17.20	14.93	-13.18%	BÁN		17.20		
MWG	112.00	GIẢM	GIẢM		119.94			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05			13.70	16.27	21.17%	
NKG	6.09	GIẢM	GIẢM	5.84	6.17	5.73%	BÁN		6.45		
NLG	27.90	GIẢM	TĂNG	28.60	27.93	-2.35%	BÁN	28.70	26.73	-2.79%	
NT2	22.75	GIẢM	GIẢM		23.37				24.51		
NTL	22.30	GIẢM	GIẢM		22.96				25.17		
NVL	57.00	GIẢM	GIẢM		59.33				62.67		

We Create Fortune

OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.24				11.40		
PAC	26.50	GIẢM	GIẢM		27.15				29.71		
PC1	18.60	GIẢM	TĂNG		20.03			21.10	18.48	-11.85%	
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.42			29.00	25.01	-10.69%	
PHR	58.00	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-3.01%			65.37		
PLX	58.40	GIẢM	GIẢM	59.30	58.65	-1.09%	BÁN		61.98		
PNJ	81.60	GIẢM	TĂNG		85.92			104.00	78.71	-21.54%	
POW	13.30	GIẢM	GIẢM	12.90	13.30	3.12%	BÁN		13.98		
PVT	17.40	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	0.58%		18.30	16.28	-4.92%	
PPC	26.60	GIẢM	GIẢM	26.20	26.86	2.51%	BÁN		28.36		
PTB	73.20	GIẢM	TĂNG		75.19			64.00	68.51	14.38%	
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.81			20.10	18.62	-4.48%	
PVD	15.65	GIẢM	GIẢM		16.80			18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			35.38		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM		19.29				20.75		
PXS	5.80	TĂNG	TĂNG	4.76	5.61	21.85%		6.20	4.83	-6.45%	
QNS	30.20	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	2.72%		33.80	27.86	-10.65%	
REE	36.70	GIẢM	TĂNG	37.95	36.80	-3.04%	BÁN	33.33	35.23	10.13%	
SAB	235.00	GIẢM	GIẢM		255.38				270.96		
SAM	7.99	GIẢM	TĂNG		8.19			7.40	7.58	7.97%	
SCR	5.76	GIẢM	GIẢM		5.84				6.28		
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39			6.99	8.30	28.76%	
SJS	16.40	TĂNG	GIẢM	15.30	15.74	7.19%			16.88		
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.52				11.70		
SSI	20.10	GIẢM	GIẢM		21.33				22.27		
STB	10.25	GIẢM	GIẢM		10.70				11.09		
TCB	23.05	GIẢM	TĂNG		24.84			22.65	23.03	1.77%	
TCM	19.60	GIẢM	GIẢM		20.81				24.25		
TDH	9.96	GIẢM	GIẢM		10.31				11.30		
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNG	14.30	GIẢM	GIẢM		14.96				17.60		
VCB	85.50	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.02	37.90%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		19.20	25.02	42.19%	
VCS	84.00	GIẢM	GIẢM		89.70				101.04		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91				20.21		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66				9.37		
VHC	77.50	GIẢM	GIẢM		80.32				85.93		
VHM	93.50	GIẢM	TĂNG		99.64			90.20	89.66	3.66%	
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		18.00			17.70	16.56	-1.13%	



We Create Fortune

VIC	116.20	GIẢM	TĂNG		118.65			112.00	113.76	3.75%	
VIP	5.00	TĂNG	GIẢM	5.15	4.96	-2.91%			5.30		
VJC	143.00	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.58%		124.50	137.02	14.86%	
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	20.85	GIẢM	GIẢM		21.52			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VNM	121.50	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.20	GIẢM	GIẢM		21.43			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG	42.20	41.02	-2.80%	BÁN	41.30	39.68	-0.73%	
VRC	20.00	TĂNG	TĂNG	16.05	17.60	24.61%		17.30	15.59	15.61%	
VRE	34.80	TĂNG	TĂNG	32.70	34.20	6.42%		35.05	32.08	-0.71%	
VSC	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	25.50	0.00%	MUA		27.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.20	GIẢM	TĂNG		24.12			24.00	22.57	-3.33%	
BID	40.20	GIẢM	TĂNG	40.80	40.99	0.46%	BÁN	33.40	38.49	20.36%	
BSR	9.70	TĂNG	GIẢM	10.00	9.65	-3.00%			10.51		
BVH	70.90	GIẢM	GIẢM		73.35				75.79		
CTG	21.10	GIẢM	TĂNG		22.03			22.00	20.78	-4.09%	
FPT	56.00	GIẢM	TĂNG		58.99			40.23	54.99	39.21%	
GAS	103.10	GIẢM	GIẢM		108.37				109.55		
GEX	20.60	TĂNG	GIẢM	21.50	20.20	-4.19%			22.60		
GVR	14.00	TĂNG	N/A	14.50	13.69	-3.45%			N/A		
HDB	27.80	GIẢM	TĂNG		29.66			28.00	27.29	-0.71%	
HNG	14.70	GIẢM	GIẢM		15.23				16.29		
HPG	22.10	GIẢM	GIẢM		22.97				23.82		
HVN	33.80	GIẢM	GIẢM		35.97				36.93		
KDH	26.25	GIẢM	TĂNG		26.73			24.00	24.58	9.38%	
MBB	22.35	GIẢM	TĂNG		23.04			19.72	21.83	13.34%	
MSN	70.50	GIẢM	GIẢM		74.93				81.14		
MWG	112.00	GIẢM	GIẢM		119.94			88.70	114.78	29.41%	BÁN
NVL	57.00	GIẢM	GIẢM		59.33				62.67		
OIL	9.70	GIẢM	GIẢM		10.24				11.40		
PLX	58.40	GIẢM	GIẢM	59.30	58.65	-1.09%	BÁN		61.98		
PNJ	81.60	GIẢM	TĂNG		85.92			77.07	78.71	5.87%	
POW	13.30	GIẢM	GIẢM	12.90	13.30	3.12%	BÁN		13.98		

We Create Fortune

QNS	30.20	TĂNG	TĂNG	29.40	29.59	2.72%		33.26	27.86	-9.19%	
REE	36.70	GIẢM	TĂNG	37.95	36.80	-3.04%	BÁN	33.33	35.23	10.13%	
ROS	24.95	GIẢM	GIẢM		25.92				27.61		
SBT	18.20	GIẢM	TĂNG	18.90	18.25	-3.45%	BÁN	17.50	17.46	4.00%	
SSI	20.10	GIẢM	GIẢM		21.33				22.27		
STB	10.25	GIẢM	GIẢM		10.70				11.09		
TCB	23.05	GIẢM	TĂNG		24.84			22.65	23.03	1.77%	
TPB	21.80	GIẢM	GIẢM	22.70	22.12	-2.55%	BÁN		23.94		
VCB	85.50	GIẢM	TĂNG		91.82			62.00	84.02	37.90%	
VCG	27.30	TĂNG	TĂNG	27.00	26.53	1.11%		18.44	25.02	48.04%	
VCS	84.00	GIẢM	GIẢM		89.70				101.04		
VEA	48.00	GIẢM	GIẢM		50.92				59.45		
VGI	28.50	GIẢM	N/A		31.15				N/A		
VHM	93.50	GIẢM	TĂNG		99.64			89.13	89.66	4.91%	
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		18.00			15.00	16.56	16.63%	
VIC	116.20	GIẢM	TĂNG		118.65			112.00	113.76	3.75%	
VJC	143.00	TĂNG	TĂNG	139.40	142.73	2.58%		124.50	137.02	14.86%	
VNM	121.50	GIẢM	GIẢM		126.59				135.52		
VPB	20.20	GIẢM	GIẢM		21.43			20.30	20.56	1.27%	BÁN
VRE	34.80	TĂNG	TĂNG	32.70	34.20	6.42%		35.05	32.08	-0.71%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	14.35	GIẢM	GIẢM		15.43				16.59		
ANV	24.90	GIẢM	GIẢM		26.33				27.58		
ASM	6.67	TĂNG	GIẢM	6.70	6.45	-0.45%			7.26		
BMI	26.35	GIẢM	TĂNG		26.84			26.70	23.99	-1.31%	
BMP	52.10	GIẢM	TĂNG	54.00	52.26	-3.23%	BÁN	48.30	48.32	7.87%	
BWE	23.70	GIẢM	GIẢM		24.59				26.99		
CEO	9.30	GIẢM	GIẢM		9.60				10.19		
CII	24.00	GIẢM	TĂNG		24.85			24.45	22.23	-1.84%	
CRE	24.20	GIẢM	GIẢM		24.83				25.69		
CTI	23.00	GIẢM	TĂNG		24.52			25.05	22.66	-8.18%	
CTR	48.80	TĂNG	GIẢM	46.50	47.38	4.95%			53.42		
D2D	83.00	GIẢM	TĂNG	72.50	84.75	16.90%	BÁN	83.10	72.16	-0.12%	
DBD	59.90	GIẢM	TĂNG		63.68			38.65	53.80	54.97%	



We Create Fortune

DCM	6.91	GIẢM	GIẢM		7.14			7.68		
DGW	24.50	GIẢM	TĂNG		26.70		23.04	24.07	6.34%	
DHC	39.30	TĂNG	TĂNG	33.00	37.84	19.09%	37.70	34.64	4.24%	
DIG	13.05	GIẢM	GIẢM		13.99		13.90	13.14	-5.45%	BÁN
DPG	47.00	TĂNG	GIẢM	46.60	46.66	0.86%		50.61		
DPM	13.15	GIẢM	GIẢM		14.13		14.95	13.37	-10.57%	BÁN
DRC	22.70	GIẢM	TĂNG		23.49		21.60	21.72	5.09%	
DXG	14.90	GIẢM	TĂNG	16.30	15.43	-5.35%	BÁN	15.50	14.86	-3.87%
E1VFN30	14.87	GIẢM	TĂNG		15.48		15.26	14.84	-2.56%	
FCN	10.30	GIẢM	GIẢM		11.42			12.69		
FLC	4.59	TĂNG	TĂNG	4.61	4.16	-0.43%	4.63	4.02	-0.86%	
GEG	28.05	TĂNG	TĂNG	28.10	27.46	-0.18%	12.50	25.32	124.36%	
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		25.36		26.91	24.57	-8.70%	BÁN
GTN	19.70	GIẢM	TĂNG		21.87		15.00	18.98	31.33%	
HAG	4.00	GIẢM	GIẢM		4.18			4.59		
HBC	10.85	GIẢM	GIẢM		12.00			13.78		
HCM	24.00	GIẢM	TĂNG		25.87		23.40	22.58	2.56%	
HDC	22.00	GIẢM	TĂNG	23.30	22.47	-3.56%	BÁN	15.25	20.25	44.26%
HDG	34.25	GIẢM	TĂNG		35.54		35.30	32.61	-2.97%	
HPX	26.60	TĂNG	#N/A	27.50	25.87	-3.27%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.61	GIẢM	TĂNG	7.19	7.69	7.02%	BÁN	7.75	6.67	-1.81%
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		15.37		16.90	13.91	-14.20%	
HTM	16.10	TĂNG	GIẢM	16.00	14.14	0.63%		18.47		
IBC	21.20	TĂNG	GIẢM	20.60	20.79	2.91%		21.22		
IDI	5.36	TĂNG	TĂNG	5.46	5.23	-1.83%	7.53	5.22	-28.82%	
IJC	15.50	TĂNG	TĂNG	16.15	15.25	-4.02%	13.10	13.74	18.32%	
ITA	3.06	GIẢM	TĂNG		3.23		3.20	2.96	-4.38%	
KBC	15.25	TĂNG	TĂNG	14.90	14.71	2.35%	14.85	13.91	2.72%	
KDC	20.50	GIẢM	TĂNG		21.63		21.90	19.02	-6.39%	
KOS	27.70	TĂNG	TĂNG	26.80	26.82	3.36%	26.30	25.20	5.32%	
KSB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.02			20.51		
LDG	9.27	GIẢM	GIẢM		10.52			11.59		
LPB	7.70	TĂNG	GIẢM	7.70	7.63	0.00%		8.13		
MBG	37.70	GIẢM	GIẢM		42.34		5.10	43.69	756.69%	BÁN
MBS	14.70	TĂNG	GIẢM	14.70	14.61	0.00%	MUA	15.75		
MPC	20.10	GIẢM	GIẢM		22.34			26.81		
NBB	20.50	TĂNG	GIẢM	20.85	20.44	-1.68%		22.02		
NKG	6.09	GIẢM	GIẢM	5.84	6.17	5.73%	BÁN	6.45		

We Create Fortune

NLG	27.90	GIẢM	TĂNG	28.60	27.93	-2.35%	BÁN	26.28	26.73	6.16%	
NT2	22.75	GIẢM	GIẢM		23.37				24.51		
NTL	22.30	GIẢM	GIẢM		22.96				25.17		
NVB	9.10	TĂNG	TĂNG	7.60	8.78	19.74%		8.50	8.20	7.06%	
OGC	3.77	GIẢM	GIẢM		4.02				4.28		
PC1	18.60	GIẢM	TĂNG		20.03			19.30	18.48	-3.63%	
PDR	25.90	GIẢM	TĂNG		26.42			23.59	25.01	9.77%	
PHR	58.00	TĂNG	GIẢM	59.80	56.10	-3.01%			65.37		
PPC	26.60	GIẢM	GIẢM	26.20	26.86	2.51%	BÁN		28.36		
PTB	73.20	GIẢM	TĂNG		75.19			60.78	68.51	20.43%	
PVD	15.65	GIẢM	GIẢM		16.80			18.10	15.96	-11.80%	BÁN
PVI	31.40	TĂNG	GIẢM	33.20	31.14	-5.42%			35.38		
PVS	18.00	GIẢM	GIẢM		19.29				20.75		
PVT	17.40	TĂNG	TĂNG	17.30	17.11	0.58%		17.31	16.28	0.55%	
QCG	4.38	GIẢM	GIẢM		4.63				5.17		
SCR	5.76	GIẢM	GIẢM		5.84				6.28		
SGP	8.10	GIẢM	GIẢM		8.82				10.88		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM	6.60	6.45	-2.21%	BÁN		6.86		
SHS	8.00	GIẢM	TĂNG	7.30	8.12	11.17%	BÁN	8.40	7.36	-4.76%	
SZC	17.50	TĂNG	#N/A	18.15	17.25	-3.58%			#N/A		
TCH	26.90	TĂNG	TĂNG	23.30	24.91	15.45%		26.15	21.70	2.87%	
TCM	19.60	GIẢM	GIẢM		20.81				24.25		
TDH	9.96	GIẢM	GIẢM		10.31				11.30		
TNG	14.30	GIẢM	GIẢM		14.96				17.60		
TTB	10.50	GIẢM	GIẢM		12.62				17.90		
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.91				20.21		
VGT	8.40	GIẢM	GIẢM		8.66				9.37		
VHC	77.50	GIẢM	GIẢM		80.32				85.93		
VND	14.00	TĂNG	GIẢM	14.10	13.72	-0.71%			14.88		
VNG	20.85	GIẢM	GIẢM		21.52			20.20	21.17	4.78%	BÁN
VPI	41.00	GIẢM	TĂNG	42.20	41.02	-2.80%	BÁN	41.30	39.68	-0.73%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	8.70	GIẢM	GIẢM		9.11				10.06		
AGR	4.00	GIẢM	GIẢM		4.21				4.65		



We Create Fortune

AMD	1.71	TĂNG	TĂNG	1.77	1.66	-3.39%	1.70	1.44	0.59%	
APG	9.70	TĂNG	TĂNG	8.76	9.35	10.73%	9.90	8.56	-2.02%	
ART	2.10	TĂNG	GIẢM	2.00	1.98	5.00%		2.25		
BCG	8.41	GIẢM	TĂNG		9.51		6.39	7.47	31.61%	
C4G	5.90	GIẢM	GIẢM		6.48			7.63		
C69	10.00	GIẢM	GIẢM		13.67			21.31		
CCL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.71			8.11		
CVT	21.90	GIẢM	TĂNG		23.23		20.35	21.01	7.62%	
DAH	9.48	GIẢM	GIẢM		10.31			11.48		
DLG	1.52	GIẢM	GIẢM		1.67			1.65		
DRH	4.46	GIẢM	GIẢM		4.99			6.06		
DTD	11.10	GIẢM	GIẢM		12.31			14.65		
EVG	2.67	TĂNG	GIẢM	2.78	2.65	-3.96%		2.90		
FIT	4.15	GIẢM	TĂNG		4.47		3.64	3.79	14.01%	
FTM	2.82	GIẢM	GIẢM		3.24			5.84		
FUES SV50	12.95	GIẢM	GIẢM		13.36		12.85	13.14	2.27%	BÁN
GKM	14.90	TĂNG	GIẢM	15.00	14.82	-0.67%		15.54		
HAH	12.40	GIẢM	GIẢM		13.03			14.33		
HAI	2.14	TĂNG	TĂNG	1.69	2.14	26.63%	1.88	1.78	13.83%	
HAR	3.70	GIẢM	TĂNG		4.07		3.90	3.28	-5.13%	
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.09			12.03		
HHP	11.80	TĂNG	GIẢM	12.20	11.54	-3.28%		13.51		
HHS	3.06	GIẢM	TĂNG		3.18		3.36	2.94	-8.93%	
HID	2.25	GIẢM	TĂNG		2.49		2.63	2.16	-14.45%	
HII	10.05	GIẢM	GIẢM		10.71			12.28		
HQC	1.03	GIẢM	GIẢM		1.10			1.21		
HSL	7.58	GIẢM	GIẢM		7.91			9.05		
HUT	2.50	TĂNG	GIẢM	2.40	2.38	4.17%		2.71		
HVG	7.51	TĂNG	TĂNG	7.82	6.21	-3.96%	3.90	6.00	92.56%	
HVH	17.25	GIẢM	GIẢM		18.04			20.94		
IDJ	7.20	GIẢM	TĂNG		7.77		7.20	5.42	0.00%	
JVC	4.10	GIẢM	GIẢM		4.32			4.75		
KLF	1.20	TĂNG	GIẢM	1.40	1.11	-14.29%		1.48		
LCG	8.77	TĂNG	GIẢM	8.55	8.43	2.57%		9.32		
LGL	9.10	GIẢM	TĂNG		9.45		7.11	8.39	27.93%	
LHG	15.95	TĂNG	GIẢM	15.60	15.88	2.24%		16.89		
LMH	12.60	GIẢM	#N/A		12.81			#N/A		
MST	4.30	TĂNG	TĂNG	3.80	3.84	13.16%	3.40	3.27	26.47%	



We Create Fortune

NDN	16.60	GIẢM	TĂNG		17.05			13.10	16.27	26.68%	
PHC	11.60	GIẢM	TĂNG		12.21			14.20	11.21	-18.31%	
PLP	9.95	GIẢM	GIẢM		10.52				11.85		
PVB	19.20	GIẢM	TĂNG		19.81			19.42	18.62	-1.12%	
PVC	7.30	GIẢM	TĂNG		7.68			6.70	6.66	8.96%	
PVX	1.20	GIẢM	GIẢM		1.40				1.50		
PXL	7.30	TĂNG	TĂNG	5.50	6.73	32.73%		6.70	5.45	8.96%	
SHI	9.00	GIẢM	TĂNG		9.39			5.77	8.30	56.11%	
SJF	2.20	GIẢM	GIẢM		2.30				2.79		
SPP	2.00	GIẢM	GIẢM		2.32				2.90		
TDC	8.50	GIẢM	TĂNG		8.86			7.05	8.48	20.50%	
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		5.88			3.20	4.54	78.13%	
TLH	4.30	TĂNG	GIẢM	4.06	4.09	5.91%			4.43		
TNA	22.00	TĂNG	TĂNG	13.70	20.07	60.58%		11.45	17.08	92.12%	
TNI	10.25	TĂNG	GIẢM	10.20	10.05	0.49%			10.89		
TSC	2.83	GIẢM	GIẢM		3.48			1.58	3.19	101.84%	BÁN
TTF	2.79	TĂNG	GIẢM	2.95	2.75	-5.42%			3.21		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.90	2.59	-10.34%			3.16		
TVC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.55			14.30	14.38	3.50%	
VC3	17.50	TĂNG	TĂNG	25.50	17.06	-31.37%		22.00	16.32	-20.45%	
VCR	12.80	GIẢM	GIẢM		15.84				21.17		
VNA	4.20	GIẢM	TĂNG		4.47			4.70	3.92	-10.64%	
VNE	3.58	GIẢM	GIẢM		3.66				3.70		
VRC	20.00	TĂNG	TĂNG	16.05	17.60	24.61%		17.30	15.59	15.61%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	977.78	-1.02%
VN30	892.31	-0.66%
VN Mid	954.84	-1.25%
VN Small	777.87	-1.32%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	103.09	-1.58%
HN30	183.12	-1.50%
VNX AllSh	863.01	-0.76%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.4	-0.30%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1352.89	
Bán	1364.04	
GT ròng	-11.14	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.78	
Bán	10.45	
GT ròng	-7.68	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.86	
Bán	18.14	
GT ròng	-2.28	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VSC	1700	6.91%
TCH	1300	5.08%
SCR	260	4.73%
VRC	850	4.44%
TNA	500	2.33%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBG	3400	9.91%
MBS	600	4.26%
TNG	200	1.42%
NVB	100	1.11%
CEO	100	1.09%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BCM	940	3.36%
HTM	210	1.32%
NTC	2150	1.28%
PXL	30	0.34%
BOT	180	0.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SMB	-4600	-10.82%
HSG	-570	-6.97%
D2D	-6200	-6.95%
LDG	-690	-6.93%
BCG	-590	-6.56%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-1400	-9.86%
SHS	-300	-3.61%
VCS	-2900	-3.34%
ACB	-800	-3.33%
PVS	-400	-2.17%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	-850	-4.02%
BSR	-250	-2.51%
VEA	-1020	-2.07%
LPB	-140	-1.86%
VGI	-530	-1.79%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	385,786	
VCB	324,527	
VHM	319,209	
VNM	212,448	
GAS	199,242	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	39,756	
VCS	13,904	
VCG	12,059	
PVS	8,795	
SHB	7,820	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	165,992	
VGI	89,887	
VEA	65,720	
GVR	56,648	
MCH	52,164	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	33,248,940	28,176,151
HSG	10,135,850	4,058,268
VPB	9,263,987	3,999,587
FLC	9,240,090	15,876,873
VNM	7,449,600	1,500,243

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ACB	3,443,603	4,947,886
PVS	2,463,836	1,717,321
SHB	2,266,356	2,966,748
HUT	1,604,100	1,304,892
MBS	1,105,330	282,263

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	3,334,631	2,336,381
DDV	2,439,500	95,983
EVF	2,323,842	155,145
KSH	1,351,250	93,268
VIB	703,837	713,797

Nguồn: Bloomberg & YSVN

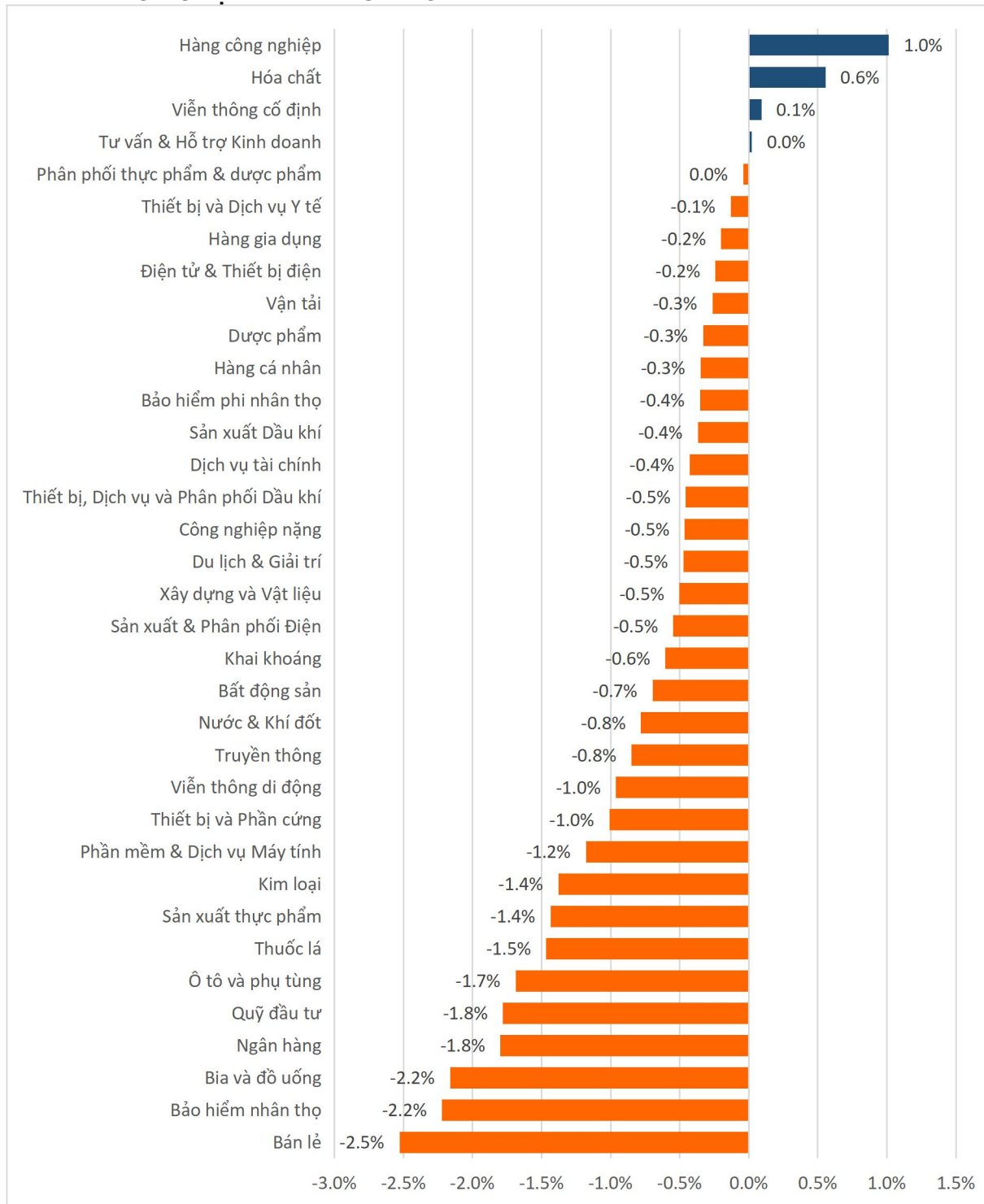
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



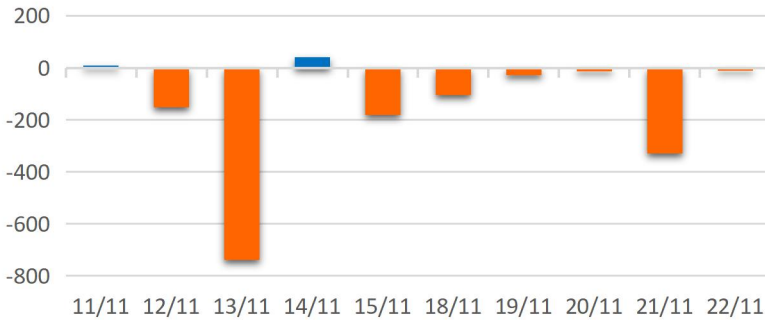
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

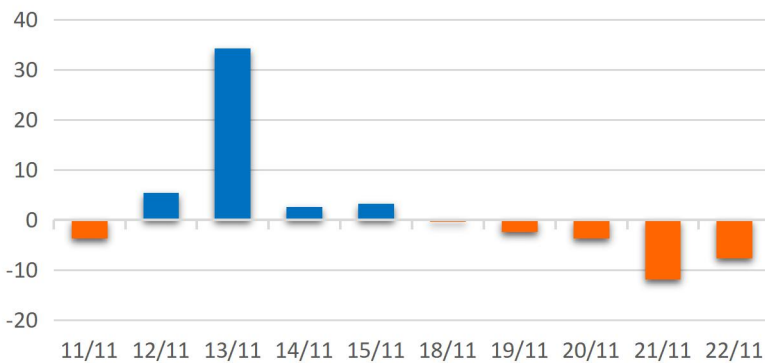
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTG	22,681	VCB	46,210
VRE	20,508	VHM	20,213
E1VFN30	18,142	VJC	12,934
HPG	17,697	SAB	10,322
PLX	8,881	VGC	10,226

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

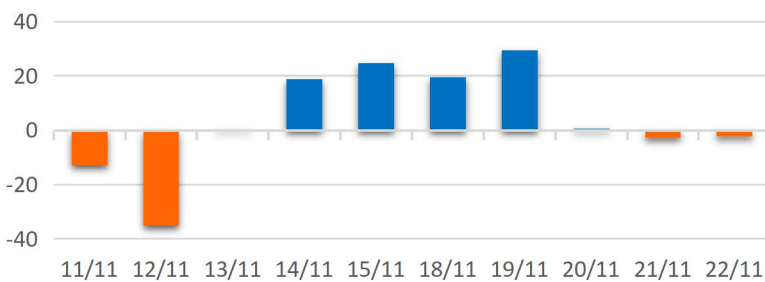
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CEO	1,419	PVS	6,193
TNG	509	MBG	3,279
SLS	140	TPP	185
BVS	114	NHC	173
NBC	99	PSD	167

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	3,359	VEA	9,210
ACV	2,887	MPC	749
SIP	1,855	SDI	640
VTP	710	BCM	532
VNA	190	RCD	407

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



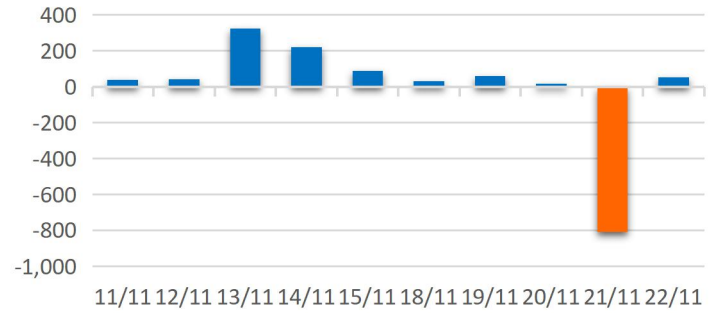
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

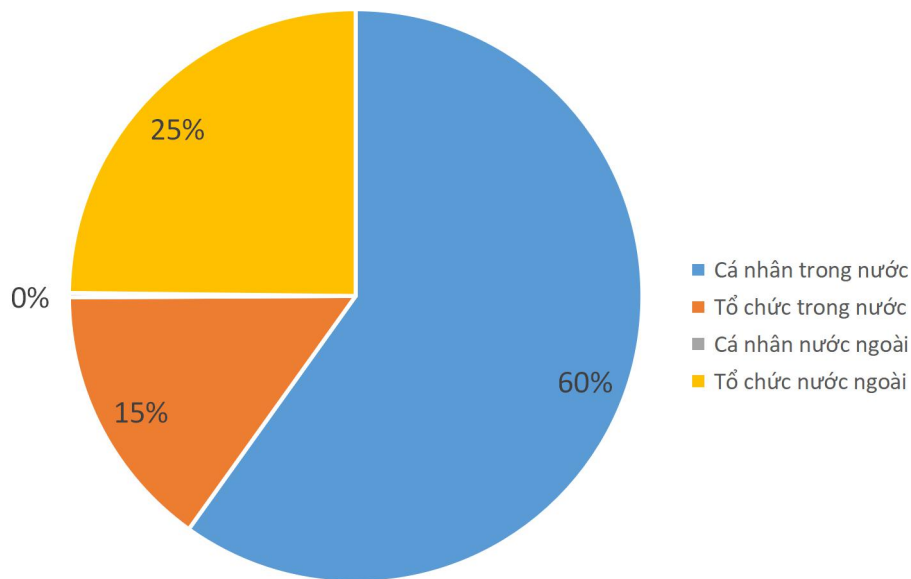
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	16,648	E1VFN30	26,517
HPG	13,164	HPG	11,777
VNM	11,560	VHM	9,069
FPT	11,521	MBB	8,957
VCB	10,531	VNM	6,955

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

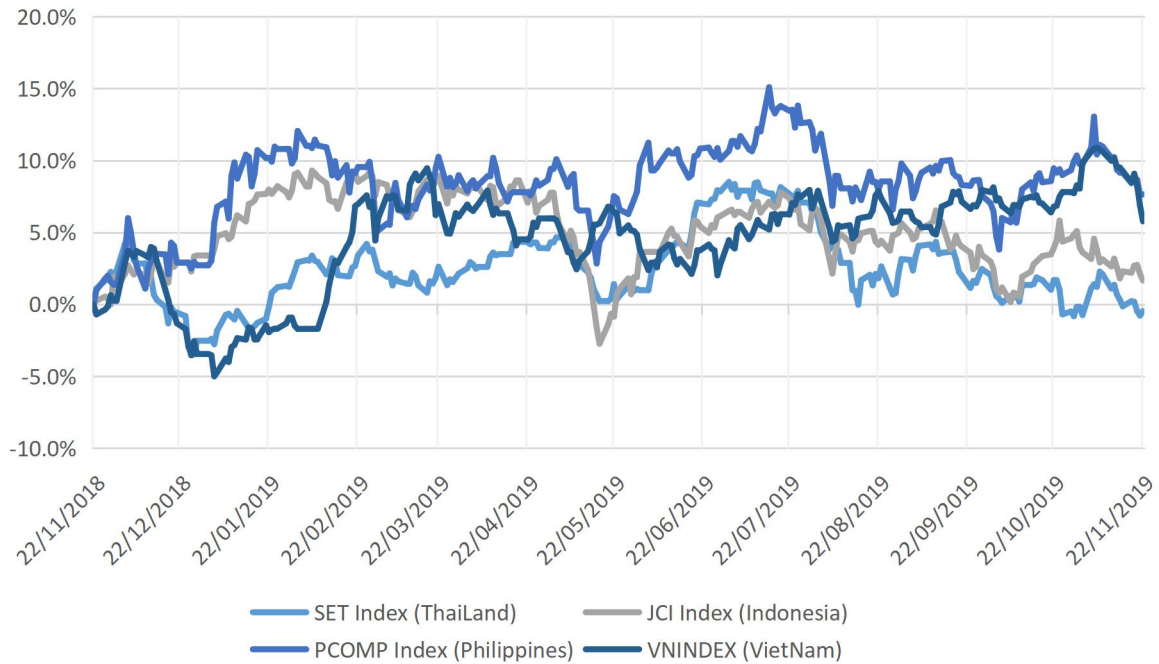


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

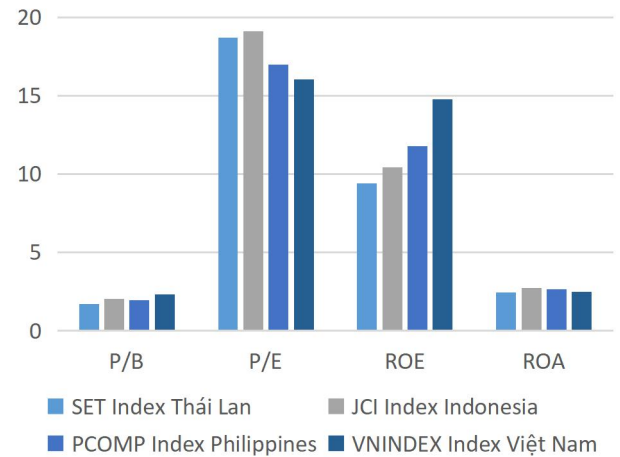
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.0x	2.0x	2.4x
P/E		18.7x	19.3x	17.1x	16.4x
ROE	%	9.39	10.41	11.79	14.75
ROA	%	2.46	2.74	2.66	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	558.15	503.89	194.22	148.18
GTGD	Triệu USD	1.34	0.36	0.10	0.14
LS cổ tức	%	3.12	2.46	1.63	2.03

erg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written